TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/KDTM-ST
Ngày 13-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang.

2. Ông Nguyễn Thái Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST- KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Việt Nam), sau đây gọi là Ngân hàng S.

Địa chỉ: Tầng C, T và T, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.201, Tòa nhà Capital Place, số B L, phường N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thúy H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q - Nhân viên.

Địa chỉ: Lầu C, tòa nhà M, số A N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 345/LC-SCBVL.25 ngày 07/10/2015), có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1, sau đây gọi là Công ty S1.

Địa chỉ: Số F, Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số A, đường số B, Khu phố G, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2025, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng S do ông Lê Hồng Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/MISA/24-62 ngày 14/05/2024 và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của Công ty S1, Ngân hàng S đã cấp tín dụng cho Công ty S1 theo chi tiết như sau:

1. Khoản vay số: TF611BGC14, số tiền vay là 690.240.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền giải ngân là 690.240.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng), ngày giải ngân 09/12/2024, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng, thời hạn vay là 120 ngày (đến ngày 08/04/2025), mục đích khoản vay là tài trợ hóa đơn mua hàng; Lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn 11,3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

2. Khoản vay số TF611BGC64, số tiền vay là 271.410.232 đồng (Hai trăm bảy mươi mốt triệu, bốn trăm mười nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), số tiền giải ngân 271.410.232 đồng (Hai trăm bảy mươi mốt triệu, bốn trăm mười nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), ngày giải ngân là 11/12/2024, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng, thời hạn vay là 119 ngày (đến ngày 09/04/2025), mục đích khoản vay là tài trợ hóa đơn mua hàng; Lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn là 11,3%/ năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

3. Khoản vay số TF611BGD33, số tiền vay là 709.260.768 đồng (B trăm lẻ chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng), số tiền giải ngân là 709.260.768 đồng (B trăm lẻ chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng), ngày giải ngân là ngày 13/12/2024, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng, thời hạn vay là 119 ngày (đến ngày 11/04/2025), mục đích khoản vay là tài trợ hóa đơn mua hàng; Lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn 11,3%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

4. Khoản vay số TF611BGD75, số tiền vay là 780.671.000 đồng (B trăm tám mươi triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), số tiền giải ngân là 780.671.000 đồng (B trăm tám mươi triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), ngày giải ngân là ngày 17/12/2024, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng, thời hạn vay là 119 ngày (đến ngày 15/04/2025), mục đích khoản vay là tài trợ hóa đơn mua hàng; lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn 11,3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

5. Khoản vay số TF611BGF34, số tiền vay là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền giải ngân là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng), ngày giải ngân là 19/12/2024, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng,

thời hạn vay là 118 ngày (đến ngày 16/04/2025), mục đích khoản vay tài trợ hóa đơn mua hàng; Lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn 11,3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

6. Khoản vay số TF611BGH34, số tiền vay là 1.021.480.000 đồng (Một tỷ, không trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền giải ngân là 1.021.480.000 đồng (Một tỷ, không trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), ngày giải ngân là 27/12/2024, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng, thời hạn vay là 118 ngày (đến ngày 24/04/2025), mục đích khoản vay tài trợ hóa đơn mua hàng; Lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn 11,3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

7. Khoản vay số TF611BGH82, số tiền vay là 330.151.320 đồng (Ba trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi mốt nghìn, ba trăm hai mươi đồng), số tiền giải ngân là 330.151.320 đồng (Ba trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi mốt nghìn, ba trăm hai mươi đồng), ngày giải ngân là 01/04/2025, đồng tiền vay vốn là Việt Nam đồng, thời hạn vay là 119 ngày (đến ngày 29/07/2025), mục đích khoản vay tài trợ hóa đơn mua hàng; Lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn 11,3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình cấp tín dụng, Công ty S1 chỉ mới thanh toán cho ngân hàng số tiền 7.425.699 đồng, vì vậy đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 16/09/2025, Ngân hàng S đã gửi thông báo khởi kiện để yêu cầu Công ty V toàn bộ dư nợ còn thiếu của khoản vay nêu trên, tuy nhiên đến nay Công ty S1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Đồng thời ngày 16/09/2025, Ngân hàng S, đã có Thông báo yêu cầu bên bảo lãnh cho khoản vay nêu trên của Công ty S1 là ông Trương Văn T để yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký vào ngày 14/05/2024. Tuy nhiên, đến nay các bên bảo lãnh vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Hiện nay, Công ty S1 còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/07/2026 là 5.947.872.951 đồng, trong đó tiền gốc là 4.755.787.621 đồng, tiền lãi là 1.192.085.330 đồng.

Về biện pháp bảo đảm nợ vay: toàn bộ các khoản nêu trên theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/MISA/24-62 ngày 14/05/2024 và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của Công ty S1 được bảo đảm bởi hợp đồng bảo lãnh ký ngày 14/05/2024 của ông Trương Văn T.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty S1 trả cho Ngân hàng tổng số nợ gồm nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 13/07/2026 là 5.947.872.951 đồng (Năm tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi mốt đồng), trong đó gốc là 4.755.787.621 đồng, lãi là 1.192.085.330 đồng.

Ngoài ra, Công ty S1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng SCBVL tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn quy định trong Thư

cấp hạn mức tín dụng số BFL/MISA/24-62 ngày 14/05/2024 tính trên tổng dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 14/07/2026 đến khi Công ty S1 hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Nếu Công ty S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bên bảo lãnh là ông Trương Văn T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản vay trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh ký đã ký kết vào ngày 14/05/2024.

Bị đơn Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T cũng vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc Công ty S1 trả cho Ngân hàng tổng số nợ gồm nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 13/07/2026 là 5.947.872.951 đồng (Năm tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi mốt đồng), trong đó gốc là 4.755.787.621 đồng, lãi là 1.192.085.330 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Việt Nam) khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật, có địa chỉ trụ sở đặt tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T vắng mặt. Tuy nhiên, đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu

tập đến các phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T vắng mặt không có lý do, nguyên đơn Ngân hàng S có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án đã xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/MISA/24-62 ngày 14/05/2024, Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng SCBVL theo các hợp đồng số TF611BGC14, số tiền vay là 690.240.000 đồng, ngày giải ngân 09/12/2024, thời hạn vay 120 ngày; hợp đồng TF611BGC64, số tiền vay là 271.410.232 đồng, ngày giải ngân 11/12/2024, thời hạn vay 119 ngày; hợp đồng TF611BGD33, số tiền vay là 709.260.768 đồng, ngày giải ngân 13/12/2024, thời hạn vay 119 ngày; hợp đồng TF611BGD75, số tiền vay là 780.671.000 đồng, ngày giải ngân 17/12/2024, thời hạn vay 119 ngày; hợp đồng TF611BGF34, số tiền vay là 960.000.000 đồng, ngày giải ngân 19/12/2024, thời hạn vay là 118 ngày; hợp đồng TF611BGH34, số tiền vay là 1.021.480.000 đồng, ngày giải ngân 27/12/2024, thời hạn vay là 118 ngày và hợp đồng TF611BGH82, số tiền vay là 330.151.320 đồng, ngày giải ngân 01/04/2025, thời hạn vay là 119 ngày; đều cùng mục đích vay là tài trợ hóa đơn mua hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật chỉ thanh toán lãi cho Ngân hàng S được 7.425.699 đồng thì ngưng không thanh toán và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết, đã để nợ quá hạn. Nhiều lần Ngân hàng đã nhắc nhở, tạo điều kiện cho Công ty S1 trả nợ nhưng Công ty S1 vẫn cố tình né tránh, cho thấy rõ ràng Công ty S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy Công ty S1 đã biết được Ngân hàng S khởi kiện tại Tòa án nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S là có cơ sở chấp nhận, buộc Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 4.755.787.621 đồng cho Ngân hàng S.

[2.2] Về tính lãi: Ngân hàng S yêu cầu Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật trả lãi tạm tính đến ngày 13/7/2026 là 1.192.085.330 đồng. Do Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn và tính lãi theo mức lãi suất đã được quy định trong hợp đồng tín dụng, đồng thời phù hợp với quy định khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Do đó, mức tính lãi của Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu về tính lãi của Ngân hàng.

[2.3] Về phương thức thanh toán: Ngân hàng S yêu cầu Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là

ông Trương Văn T trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 13/7/2026 tổng cộng là 5.947.872.951 đồng (gồm nợ gốc 4.755.787.621 đồng, tổng nợ lãi là 1.192.085.330 đồng), yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S về phương thức thánh toán.

[2.4] Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: xét thấy, ngày 14/5/2025 ông Trương Văn T đã có ký hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng S, tại Điều 2 của hợp đồng bảo lãnh đã thể hiện rõ nội dung ông T có nghĩa vụ thanh toán ngay lập tức cho ngân hàng các khoản nợ trong trường hợp Công ty S1 không thanh toán cho Ngân hàng S. Đồng thời, ngày 16/09/2025, Ngân hàng S đã có thông báo yêu cầu bên bảo lãnh cho khoản vay của Công ty S1 là ông Trương Văn T để yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký vào ngày 14/05/2024 nhưng ông T vẫn không thực hiện. Do vậy, yêu cầu về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng S đối với ông Trương Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Công ty S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật phải chịu 113.947.873 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng S không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 40; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Việt Nam). Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Việt Nam) số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/7/2026 tổng cộng là 5.947.872.951 *(Năm tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi mốt đồng),* trong đó gốc là 4.755.787.621 đồng, lãi là 1.192.085.330 đồng.

2. Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Trương Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi mà công ty Trách

nhiệm hữu hạn S1 chưa thi hành cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Việt Nam) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 do ông Trương Văn T đại diện theo pháp luật phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.947.873 (Một trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi ba) đồng. H1 lại cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Việt Nam) số tiền 56.652.291 (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi mốt) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010164 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 1 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan